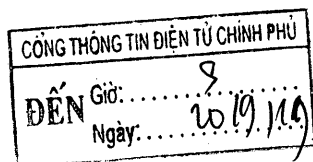


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /2019/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về giá dịch vụ
trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 77/TTr-STC ngày 30/7/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2019.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy NB;
- TT.HĐND tỉnh NB;
- Đoàn ĐBQH tỉnh NB;
- UBMTTQVN tỉnh NB;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh NB;
- Website Chính phủ
- Công báo tỉnh NB;
- Lưu VT, VP5.

TrH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



***Nguyễn Ngọc Thạch**

QUY ĐỊNH

Về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về giá dịch vụ trông giữ xe đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ trông giữ xe.
2. Đối tượng thu:
 - a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cung ứng dịch vụ trông giữ xe.
 - b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

**MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE, QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU TỪ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE**

Điều 3. Mức thu giá dịch vụ trông giữ xe (trừ dịch vụ trông giữ xe tại 02 tuyến du lịch Đình Cốc - Tam Cốc; Bích Động - Động Tiên - Xuyên Thủy Động thuộc Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động)

1. Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

TT	Hình thức trông giữ các loại phương tiện	Mức thu (đã bao gồm VAT)		
		Ban ngày	Ban đêm	Cả tháng
I	Dịch vụ trông giữ xe (trừ dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy tại các trường học và Dịch vụ trông giữ các loại phương tiện tại khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá)	Đồng/lượt	Đồng/lượt	Đồng/tháng

1	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở xuống, xe lam, xe ô tô tải dưới 4 tấn	10.000	20.000	300.000
2	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến dưới 30 chỗ ngồi, xe ô tô tải từ 4 tấn đến dưới 7 tấn	15.000	25.000	400.000
3	Xe ô tô từ 30 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải từ 7 tấn trở lên	20.000	30.000	500.000
4	Xe đạp, xe đạp điện, xe xích lô	2.000	4.000	20.000
5	Xe máy, xe máy điện	4.000	6.000	50.000
II	Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy tại các trường học			
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000		10.000
2	Xe máy, xe máy điện	2.000		20.000
III	Dịch vụ trông giữ các loại phương tiện tại khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá			
1	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở xuống, xe lam, xe ô tô tải dưới 4 tấn	20.000	25.000	
2	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến dưới 30 chỗ ngồi, xe ô tô tải từ 4 tấn đến dưới 7 tấn	30.000	35.000	
3	Xe ô tô từ 30 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải từ 7 tấn trở lên	35.000	40.000	
4	Xe đạp, xe đạp điện, xe xích lô	2.000	4.000	
5	Xe máy, xe máy điện	4.000	6.000	

2. Giá tối đa dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: bằng 1,5 lần mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này tương ứng với từng loại xe, địa bàn, thời gian.

3. Thời gian ban ngày là từ sau 06 giờ đến trước 22 giờ, thời gian ban đêm là từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Điều 4. Chứng từ thu

Khi thu tiền dịch vụ, đơn vị cung ứng dịch vụ trông giữ xe sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định

về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu

Đơn vị cung ứng dịch vụ trông giữ xe phải công khai thông tin và niêm yết giá dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền còn lại theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Giao thông vận tải: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Cục thuế tỉnh: Hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ trông giữ xe sử dụng hóa đơn, kê khai thuế, nộp thuế theo đúng quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền dịch vụ trông giữ xe theo đúng quy định.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm Quy định về giá dịch vụ trông giữ xe sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Quy định

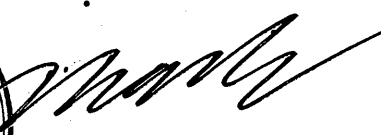
Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải để tổng hợp) để xem xét, giải quyết. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Ngọc Thạch